

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 08 tháng 3 năm 2007; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

Thanh tra Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực, được tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này; thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng, thủy văn, đo đạc, bản đồ, quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo (sau đây gọi chung là tài nguyên và môi trường) theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại Việt Nam.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Mối quan hệ của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

1. Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi chung là Thanh tra Bộ) chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra Tổng cục Quản lý đất đai, Thanh tra Tổng cục Môi trường (sau đây gọi chung là Thanh tra Tổng cục) chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Bộ.

3. Thanh tra Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (sau đây gọi chung là Thanh tra Cục) chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Bộ.

4. Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi chung là Thanh tra Sở) chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu sự hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và về công tác, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

5. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan khác trong việc thực hiện quyền thanh tra và phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

Cơ quan công an, cơ quan thanh tra chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức liên quan khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Tài nguyên và Môi trường trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường.

Điều 5. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra Bộ; trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang phục và các điều kiện khác phục vụ hoạt động thanh tra; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục trưởng, Cục trưởng có trách nhiệm xây dựng tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục; trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang phục và các điều kiện khác phục vụ hoạt động thanh tra; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm xây dựng tổ chức, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang phục cho Thanh tra Sở.

4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo và bảo đảm điều kiện hoạt động cho Thanh tra Sở; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Sở theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC CỦA THANH TRA TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Tổ chức của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường bao gồm:

a) Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Thanh tra Tổng cục Quản lý đất đai, Thanh tra Tổng cục Môi trường và Thanh tra Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục và Thanh tra Sở có con dấu riêng.

Điều 7. Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về tài nguyên và môi trường trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thanh tra Bộ có các phòng trực thuộc do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên. Chánh Thanh tra do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra; các Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Thanh tra Bộ.

Điều 8. Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục

1. Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục là cơ quan thuộc Tổng cục, Cục, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra chuyên ngành về tài nguyên và môi trường trong phạm vi quản lý của Tổng cục, Cục.

Thanh tra Tổng cục có các phòng trực thuộc do Tổng cục trưởng quyết định thành lập.

2. Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Tổng cục, Chánh Thanh tra Cục do Tổng cục trưởng, Cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất ý kiến với Thanh tra Bộ.

Các Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

3. Tổng cục trưởng, Cục trưởng quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục.

Điều 9. Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thanh tra Sở là cơ quan trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh; các Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

Chương III
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN
CỦA THANH TRA TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Mục 1
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN
CỦA THANH TRA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành theo quy định tại Luật Thanh tra.
2. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ hành vi trái pháp luật của tổ chức, cá nhân khi có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những văn bản trái với quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường; kiến nghị xử lý cán bộ, công chức có vi phạm trong thi hành công vụ đã được phát hiện qua công tác thanh tra.
5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Bộ.
6. Giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.
8. Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường cho Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục và Thanh tra Sở; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ thực hiện quy định của pháp luật về công tác thanh tra.
9. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giao.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó; kiến nghị Bộ trưởng xử lý việc chồng chéo, trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trung tập Cộng tác viên Thanh tra thực hiện thanh tra theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Tài nguyên và Môi trường khi có căn cứ cho rằng quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra.

6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét trách nhiệm, xử lý người đứng đầu cơ quan có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

8. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng Thanh tra.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN
CỦA THANH TRA TỔNG CỤC, THANH TRA CỤC

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường trong phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục, Cục.

2. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo phân công của Tổng cục trưởng, Cục trưởng; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.

4. Kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ hành vi trái pháp luật của tổ chức, cá nhân khi có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những văn bản trái với quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường; kiến nghị xử lý cán bộ, công chức có vi phạm trong thi hành công vụ đã được phát hiện qua công tác thanh tra.

5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục.

6. Tiếp công dân và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Tổng cục, Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

7. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

8. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng thuộc lĩnh vực quản lý của Tổng cục, Cục.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng, Tổng cục trưởng, Cục trưởng giao.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Tổng cục, Chánh Thanh tra Cục

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Tổng cục, Cục.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

3. Trình Tổng cục trưởng, Cục trưởng ban hành quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trình Tổng cục trưởng, Cục trưởng quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trung tập Công tác viên Thanh tra thực hiện thanh tra theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị Tổng cục trưởng, Cục trưởng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tổng cục, Cục khi có căn cứ cho rằng quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra.

6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Kiến nghị Tổng cục trưởng, Cục trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Tổng cục trưởng, Cục trưởng; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

8. Kiến nghị Tổng cục trưởng, Cục trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 3

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

CỦA THANH TRA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về tài nguyên và môi trường trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Thanh tra vụ việc khác do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giao.

4. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra; hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra cho Thanh tra viên.

7. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường với các cơ quan quản lý theo quy định.

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trung tập Cộng tác viên Thanh tra thực hiện việc thanh tra theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của Thủ trưởng đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường khi có căn cứ cho rằng quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra; kiến nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Kiến nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh, đồng thời báo cáo Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 4

THANH TRA VIÊN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 16. Thanh tra viên Tài nguyên và Môi trường

1. Thanh tra viên Tài nguyên và Môi trường là công chức nhà nước được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường theo sự phân công của Chánh Thanh tra.

2. Thanh tra viên được tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ thanh tra viên và hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài những quy định chung về điều kiện, tiêu chuẩn của Thanh tra viên theo quy định của Luật Thanh tra, Nghị định số 100/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra, Thanh tra viên phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn khác phù hợp với ngành, lĩnh vực do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

4. Khi thực hiện công tác thanh tra, Thanh tra viên Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Cộng tác viên Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

1. Cộng tác viên thanh tra là người được trưng tập làm nhiệm vụ thanh tra theo yêu cầu của Chánh Thanh tra các cấp hoặc Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Cộng tác viên thanh tra phải có phẩm chất chính trị tốt; có ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan, công minh; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra.

3. Cộng tác viên được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 100/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG THANH TRA TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 18. Nội dung hoạt động thanh tra tài nguyên và môi trường

1. Thanh tra hành chính:

a) Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Thủ trưởng cùng cấp;

b) Nội dung, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra hành chính thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.

2. Thanh tra chuyên ngành:

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường trong phạm vi quản lý nhà nước của Thủ trưởng cùng cấp đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến tài nguyên và môi trường, bao gồm:

a) Đất đai;

b) Tài nguyên nước;

c) Tài nguyên khoáng sản, địa chất;

d) Môi trường;

đ) Khí tượng, thủy văn;

e) Đo đạc, bản đồ;

g) Quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo;

h) Các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động tài nguyên và môi trường.

Điều 19. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

1. Hoạt động thanh tra tài nguyên và môi trường phải tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan Thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, thành viên đoàn thanh tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Điều 20. Phương thức hoạt động thanh tra

1. Việc thanh tra được thực hiện theo phương thức Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên độc lập.

2. Đoàn thanh tra và Thanh tra viên độc lập hoạt động theo quy định của Luật Thanh tra.

3. Khi tiến hành thanh tra phải có quyết định của Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Tài nguyên và Môi trường hoặc Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

4. Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên độc lập phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định thanh tra về quyết định và biện pháp xử lý của mình.

5. Khi xử lý vi phạm, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên độc lập phải thực hiện đầy đủ trình tự theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Hình thức thanh tra

1. Hoạt động thanh tra được thực hiện dưới hình thức thanh tra theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất.

2. Thanh tra theo chương trình kế hoạch được tiến hành theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

Điều 22. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đối tượng thanh tra

Đối tượng thanh tra có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương V CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 23. Cơ sở vật chất

1. Thanh tra Tài nguyên và Môi trường được trang bị phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu.

Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biên hiệu tương tự, gây sự nhầm lẫn với Thanh tra Tài nguyên và Môi trường.

2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể về:

a) Phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường;

b) Trang phục, phù hiệu, biên hiệu, cấp hiệu của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

Điều 24. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập, cấp phát, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí nghiệp vụ thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động Thanh tra Tài nguyên và Môi trường được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Xử lý vi phạm

Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên, các thành viên khác của Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh tra thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 5 năm 2009 và thay thế Nghị định số 65/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu Văn thư, TCCV (5b). XH 290



Nguyễn Tấn Dũng